

Động từ trong các thì tiếp diễn

A. Cách thành lập

Các thì tiếp diễn có chung một cách thành lập:

(be) + V-ing

Tùy theo thì của (be), ta có 6 thì tiếp diễn khác nhau.

Ví dụ với động từ **to work**:

- Thì hiện tại tiếp diễn (present continuous):

- She **is** working.

- Thì Quá khứ tiếp diễn (past continuous):

- You **were** working.

- Thì Tương lai tiếp diễn (future continuous):

- They **will be** working.

- Thì Hiện tại hoàn thành tiếp diễn (present perfect continuous):

- We **have been** working.

- Thì Quá khứ hoàn thành tiếp diễn (past perfect continuous):

- I **had been** working.

- Thì Tương lai hoàn thành tiếp diễn (future perfect continuous):

- He **will have been** working.

B. Cách sử dụng các thì tiếp diễn

Các thì Tiếp diễn nói chung, có 2 cách sử dụng chính:

- Diễn tả sự kéo dài, liên tục của một hành động.
- Làm thì nền (background tense) cho một hành động khác.

Tùy theo thời điểm và tính chất của hành động người ta có thể sử dụng các thì **Tiếp diễn** khác nhau như cách sử dụng của các thì đơn và thì hoàn thành. Ví dụ:

- I was reading a novel yesterday evening. - She has been waiting for him in the lounge. (bây giờ cô ấy vẫn còn đang chờ)

Trong cách sử dụng thứ nhất, hành động có tính chất tạm thời, chưa hoàn tất.

Ví dụ 1:

- I read a novel yesterday evening. (đọc cả quyển sách) I was reading a novel yesterday evening. (không đề cập đến việc đọc xong hay chưa xong)

Ví dụ 2:

- He lives in Nha Trang. (sống thường xuyên) He is living in Nha Trang. (hiện đang sống ở Nha Trang, có thể đó không phải là nơi thường trú của anh ta)

Trong cách sử dụng thứ hai, thì **Tiếp diễn** thường đi chung với một hành động khác ở thì đơn.

Ví dụ 1:

- She came while I was writing a report. - When she came, I was writing a report. - He comes while the teacher is reading a dictation. - When he comes, the teacher is reading a dictation.

Ở cách sử dụng này, thì **Tiếp diễn** thường dùng với **WHILE** trong khi thì đơn thường dùng với **WHEN** như ta thấy trong ví dụ 1 ở trên. Tuy nhiên đây không phải là một điều bắt buộc.

Ví dụ 2:

- My mother was watching TV while my father was reading a book. - She slept while her husband was away from home.

C. Phân biệt hiện tại hoàn thành và hiện tại hoàn thành tiếp diễn

Khác biệt rõ nét nhất giữa hai thì này là tính chất liên tục của thì **Hiện tại hoàn thành tiếp diễn**. Xét hai câu sau:

Ví dụ:

(1) It has rained since June. (2) It has been raining since this morning.

Trong câu (1) trời không mưa liên tục, nhưng ở câu (2) trời mưa liên tục không dứt.